

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày: 10 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đậu Thị Luyện và ông Dư Văn Khôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoài My- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Phước T**, sinh ngày 21/01/1996 tại huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Thuận Long (thôn Phước Long cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Q; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phước Cu (tên gọi khác: Nguyễn Phước Cư), sinh năm: 1974 và bà Mai Thị Phượng, sinh năm: 1974; vợ là Nguyễn Thị Hai, sinh năm: 1992 và 01 con.

Tiền án: Ngày 18/11/2015 bị TAND Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Nhân thân: vào năm 2010 và năm 2013 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2020 có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Hồ Văn H, sinh năm: 1968. Có mặt
Địa chỉ: thôn 01, xã Trà G, huyện B, tỉnh Q.

+ Bà Hồ Thị Mỹ H, sinh năm: 2002. Vắng mặt.
Địa chỉ: thôn 01, xã Trà G, huyện B, tỉnh Q.

+ Bà Mai Thị Ph, sinh năm: 1974. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Thuận Long (thôn Phước Long cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Q

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phạm Văn Ngh, sinh 1978. Có mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Q.

+ Bà Trần Hoàng O, sinh 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: tổ T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Q.

+ Bà Hồ Thị K, sinh 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn 01, xã Trà G, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng giữa tháng 9/2020, Bị cáo Nguyễn Phước T được ông Hồ Văn H thuê đi làm công, khai thác cây keo nguyên liệu cùng ông H và tạo điều kiện để bị cáo ăn ở, sinh hoạt cùng gia đình ông H. Đến sáng ngày 24/9/2020 bị cáo xin ông H nghỉ làm ở nhà. Sáng hôm đó, ở nhà chỉ có chị Hồ Thị Mỹ H (là con ruột của ông H) và đứa con nhỏ của chị H mới hơn 1 tuổi ở nhà. Đến trưa, chị H đi dự tiệc đám nhà mới nên chị Hạnh gửi con sang nhà bà con hàng xóm rồi rời khỏi nhà. Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình ông H nên bị cáo đến phòng ngủ của chị H, thấy phòng chị H không khóa cửa nên bị cáo đẩy cửa đi vào, nhìn bên tay trái thấy có một điện thoại di động hiệu OPPO A92 màu xanh dương đặt trên cùng của kệ nhựa màu trắng đang được sạc pin. Bị cáo rút dây sạc, lấy trộm điện thoại OPPO A92 bỏ vào túi quần đang mặc rồi kéo đóng cửa phòng ngủ đi ra phòng khách. Tại phòng khách, bị cáo thấy trên bàn có 01 chùm chìa khóa, trong đó có chìa khóa xe mô tô Exceiter nên bị cáo lấy chìa khóa này cắm vào chiếc xe Exceiter đang dựng ở hiên nhà thì xe hoạt động được. Bị cáo điều khiển xe chạy ra khỏi nhà ông H đi về hướng thị trấn Trà My. Bị cáo đi vào tiệm cầm đồ “Vũ” trên đường Phan Châu Trinh, thị trấn T, huyện B cầm điện thoại OPPO A92 cho chị Trần Hoàng O với giá 2.000.000 đ (Hai triệu đồng). Sau đó, bị cáo tiếp tục điều khiển xe Exceiter chạy về xã Q, huyện Q và tiêu xài hết số tiền có được từ việc cầm điện thoại. Đến ngày 28/9/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô trộm cắp làm phương tiện đi lại thì bị tai nạn tự ngã tại xã B, huyện T làm xe hư hỏng nặng nên bị cáo mang xe đến tiệm Honda Nghiệp của anh Phạm Văn Ngh để sửa chữa và chưa đến lấy lại xe.

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình nhà ông Hồ Văn H, bị cáo Tuấn không ở nhà ông Hiếu nữa mà cư trú ở nhiều nơi khác nhau. Đến tối ngày 05/10/2020, bị cáo đón xe taxi đi từ thị xã T về nhà ba mẹ ruột của bị cáo tại xã Q, huyện Q và ngủ tại nhà bà nội của bị cáo. Đến trưa ngày 06/10/2020, bị cáo đi về nhà của mẹ mình là bà Mai Thị Ph nhưng nhà đã đóng cửa. Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình nên bị cáo sử dụng cái thang thường hay dùng để thấp nhang treo lên lam gió trên cửa sổ phòng khách rồi trèo xuống thông qua các khung ô cửa sổ vào bên trong nhà. Bị cáo tìm

kiếm tiền, tài sản khác trong các tủ của phòng khách, phòng ngủ cha mẹ nhưng không thấy tài sản gì. Bị cáo biết mẹ mình là bà Ph có vàng thường cất giấu trong nhà nên bị cáo tiếp tục đi vào phòng ngủ của em gái (em gái bị cáo đi làm ăn xa nên phòng ngủ này được bà Ph sử dụng). Bị cáo nhìn thấy chân giường sắt có độ nghiêng bất thường nên đã nhấc chân giường lên xem. Bị cáo phát hiện bên trong trụ sắt rỗng của chân giường có một ống nhựa hình trụ tròn, màu trắng (dạng ống đựng C sủi), bên trong ống nhựa có: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 9999 kèm mặt dây chuyền trọng lượng 3,5 chỉ; 01 (một) cái nhẫn bằng vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ và 1 số khâu vàng 9999. Bị cáo bỏ số vàng này vào túi quần rồi đi ra khỏi phòng ngủ, trèo ra ngoài bằng cách như lúc ban đầu đột nhập vào nhà. Bị cáo đón xe ra ngã tư chợ Đông Phú, vào tiệm vàng Đường (địa chỉ: Tổ dân phố Lãnh Thượng 2, Thị trấn Đông Phú, Quê Sơn) bán cái nhẫn vàng trọng lượng 02 chỉ với giá khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng). Sau đó bị cáo đi sang tiệm vàng Sơn Trang ở bên kia đường bán sợi dây chuyền vàng kèm mặt dây chuyền trọng lượng 3,5 chỉ với giá 17.200.000đ (mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Tiếp đó bị cáo Tuấn đón xe đi Điện Bàn chơi và đã sử dụng số tiền bán vàng để mua mới hai điện thoại Vivo V2029 (một cái màu xanh dương (xanh pha lê), có số IMEI 1: 867695059422476, một cái màu tím (đen thủy tinh), có số IMEI 1: 867695059729433) với tổng số tiền là 9.980.000đ (chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng) và mua thêm 02 ốp lưng điện thoại VIVO tại Cửa hàng QNM Ngã 4 KCN Điện Nam thuộc Chi nhánh Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT tại Đà Nẵng vào ngày 07/10/2020. Tổng số tiền bị cáo đã mua điện thoại và ốp lưng điện thoại là 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó 01 ngày, bị cáo đón xe đi ra Quảng Trị để gặp người yêu là chị Hồ Thị K đang làm việc tại Quảng Trị. Bị cáo đã cho tặng Hồ Thị K một cái điện thoại VIVO V2029 màu xanh dương, có số IMEI 1: 867695059422476 để chị K sử dụng. Bị cáo ở lại Quảng Trị một ngày rồi quay về lại Đà Nẵng. Trong quãng thời gian trên bị cáo đã tiêu xài hết tiền bán 01 sợi dây chuyền vàng và 01 nhẫn vàng nên bị cáo tiếp tục bán 03 khâu vàng còn lại với giá là 10.300.000đ (mười triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền bán vàng trộm cắp, bị cáo tiêu xài phục vụ các nhu cầu cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Trà My xác định: Chiếc xe mô tô YAMAHA, loại Exceiter, màu trắng-xanh, biển kiểm soát 92V1-041.03 của ông Hồ Văn H bị mất trộm vào ngày 24/9/2020 có giá trị 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng); chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A92, màu xanh dương của chị Hồ Thị Mỹ H bị mất trộm vào ngày 24/9/2020 có giá trị 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng giá trị tài sản là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quê Sơn xác định giá trị số vàng tại thời điểm bị trộm cắp theo lời khai của người bị hại bà Mai Thị Ph là: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 9999 (kèm theo mặt) trọng lượng 3,5 chỉ có giá trị 18.970.000đ (mười tám triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 (một) nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ có giá trị 10.840.000đ (mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); 01 (một) khâu vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ có giá trị 10.840.000đ (mười triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); 01 (một) khâu vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ có giá trị

5.420.000đ (*năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*); 02 (hai) khâu vàng 9999, mỗi khâu trọng lượng 0,5 chỉ (5 phân) có tổng giá trị 5.420.000đ (*năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*); 01 (một) khâu vàng 9999 trọng lượng 0,3 chỉ (3 phân) có giá trị 1.626.000đ (*một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Tổng cộng 9,8 chỉ vàng có giá trị 53.116.000đ (*năm mươi ba triệu một trăm mười sáu nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-BTM ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố bị Nguyễn Phước T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T mức án từ 03 đến 04 năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 15/10/2020).

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra ông Phạm Văn Ngh có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 1.430.000 đồng (*Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) là số tiền đã sửa chữa một số bộ phận của xe do tai nạn bị hư hỏng.

Ông Hồ Văn H có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 2.825.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) là số tiền tiếp tục sửa chữa một số bộ phận của xe để xe hoạt động lại bình thường sau khi đã nhận lại xe.

Chị Hồ Thị Mỹ H có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*). Đây là số tiền mà chị Hạnh đã cho bị cáo mượn để chuộc lại chiếc điện thoại bị cáo đã cầm cố cho chị Trần Hoàng O sau khi đã trừ đi số tiền mà chị H nợ của bị cáo T trước đó là 700.000 đồng.

Đối với bà Mai Thị Ph (mẹ ruột của bị cáo T) có đơn xin nhận lại 02 chiếc điện thoại Vivo V2029 (một cái màu xanh dương (xanh pha lê), có số IMEI 1: 867695059422476, một cái màu tím (đen thủy tinh), có số IMEI 1: 867695059729433) kèm theo ốp lưng mà bị cáo T đã bán vàng trộm cắp được để mua và chấp nhận với giá 10.200.000đ (*mười triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền còn lại bà Ph không yêu cầu bị cáo T bồi thường cho bà.

Về xử lý vật chứng:

+ Đối với các tài sản bị trộm cắp là 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha, loại Exceiter, màu trắng – xanh, biển kiểm soát 92V1 – 041.03 và 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO A92 màu xanh dương, không sử dụng ốp lưng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bắc Trà My đã trao trả đầy đủ cho bị hại là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2029 màu xanh dương, số IMEI 1: 867695059422476, số IMEI 2: 867695059422468 (kèm theo ốp lưng điện thoại); 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2029 màu tím, số IMEI 1: 867695059729433, số IMEI 2: 867695059729425, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại VIVO, màu trong suốt. Đây là tài sản mà bị cáo mua được từ việc

bán vàng trộm cắp của bà Mai Thị Ph nên cần trao trả cho bà Mai Thị Ph theo yêu cầu của bà Ph là phù hợp.

+ Đối Với 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phước T, cấp ngày 10/9/2019, nơi cấp Công an tỉnh Quảng Nam. Đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo T nên cần trao trả lại cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại bà Mai Thị Ph, ông Hồ Văn H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào giữa tháng 9 năm 2020 lợi dụng lúc gia đình ông Hồ Văn H đi vắng không có ai quản lý tài sản. Bị cáo Nguyễn Phước T đã lén lút trộm cắp tài sản của gia đình ông H với tổng giá trị là 17.000.000 đồng.

Tiếp theo vào 06/10/2020, bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản của mẹ ruột bị cáo là bà Mai Thị Ph theo lời khai ban đầu của bà Phụng là 9,8 chỉ vàng 9999 có giá trị 53.116.000đ (*năm mươi ba triệu một trăm mười sáu nghìn đồng*). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bà Ph xác nhận chỉ mất tổng cộng 7,3 chỉ (bảy phẩy ba chỉ) vàng 9999, có giá trị đã được định giá là 39.420.000đ (*ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) điều này phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Phước T.

Bị cáo Nguyễn Phước T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian. Do đó, tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp là 56.420.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu và thẩm tra phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng số 03/CT-VKS-BTM ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Phước T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Đối với vụ trộm cắp thứ nhất tại gia đình nhà ông Hồ Văn H bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của gia đình bị hại, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội. Hơn nữa, sau khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp thì cùng ngày gia đình ông Hiếu đã phát hiện và nhắc bị cáo đem trả lại tài sản nhưng bị cáo vẫn cố ý muốn chiếm đoạt tài sản và cắt liên lạc với gia đình ông H. Đối với vụ án thứ hai bị cáo lại trộm cắp chính tài sản của cha mẹ ruột

bị cáo. Hành vi của bị cáo thể hiện sự bất chấp, coi thường pháp luật gây nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây nên tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì thấy: vào ngày 18/11/2015 bị cáo Nguyễn Phước T bị TAND Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện nay bị cáo chưa chấp hành xong quyết định của Tòa án về việc bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích, mà bị cáo lại tiếp tục thực hiện hai lần hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nên được xác định là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” và “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hơn nữa bị cáo còn có nhân thân xấu, vào năm 2010 và năm 2013 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng đều về hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đồng thời, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với chị Trần Hoàng O là người cầm điện thoại do bị cáo trộm cắp. Tại thời điểm cầm điện thoại, chị Oanh không biết đó là tài sản có được do phạm tội nên không xem xét là phù hợp.

Đối với Phạm Văn Ngh là người sửa chữa chiếc xe máy mà bị cáo đã trộm cắp. Tại thời điểm sửa chữa, anh Nghiệp không biết đó là tài sản có được do phạm tội nên không xem xét là phù hợp.

Đối với chị Hồ Thị K là người được bị cáo Tuấn tặng điện thoại di động có được từ việc bán tài sản trộm cắp. Tại thời điểm được tặng chị K không biết đó là tài sản có được do phạm tội nên không xem xét là phù hợp.

Đối với các chủ tiệm vàng mà bị cáo Tuấn khai nhận đã bán vàng trộm cắp. Tại thời điểm mua, họ không biết đó là tài sản có được do phạm tội nên không xem xét là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Phạm Văn Ngh có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 1.430.000 đồng (*Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) là số tiền đã sửa chữa một số bộ phận của xe do tai nạn bị hư hỏng. Ông Hồ Văn Hi có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 2.825.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) là số tiền tiếp tục sửa chữa một số bộ phận của xe để xe hoạt động bình thường sau khi đã nhận lại xe. Chị Hồ Thị Mỹ H có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*). Đây là số tiền mà chị H đã cho bị cáo mượn để chuộc lại chiếc điện thoại bị

cáo đã cầm cố cho chị Trần Hoàng O sau khi đã trừ đi số tiền mà chị H nợ của bị cáo T trước đó là 700.000 đồng. Bị cáo thống nhất bồi thường số tiền trên cho bị hại. Xét thấy việc thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bà Mai Thị Ph bị mất tổng cộng 7,3 chỉ (bảy phẩy ba chỉ) vàng 9999, có giá trị đã được định giá là 39.420.000đ (*ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Bà Ph có nguyện vọng được nhận lại 02 điện thoại mà bị cáo T đã mua từ số tiền bán vàng trộm cắp của bà và chấp nhận với tổng giá trị là 10.200.000đ (*mười triệu hai trăm nghìn đồng*). Số tiền còn lại là 29.220.000 đồng bà Ph không yêu cầu bị cáo T bồi thường cho bà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với các tài sản bị trộm cắp là 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha, loại Exceiter, màu trắng – xanh, biển kiểm soát 92V1 – 041.03 và 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO A92 màu xanh dương, không sử dụng ốp lưng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bắc Trà My đã trao trả đầy đủ cho bị hại là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2029 màu xanh dương, số IMEI 1: 867695059422476, số IMEI 2: 867695059422468 (kèm theo ốp lưng điện thoại); 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2029 màu tím, số IMEI 1: 867695059729433, số IMEI 2: 867695059729425, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại VIVO, màu trong suốt. Đây là tài sản mà bị cáo mua được từ việc bán vàng trộm cắp của bà Mai Thị Ph nên cần trao trả cho bà Mai Thị Ph theo yêu cầu của bà Ph là phù hợp.

+ Đối Với 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phước T, cấp ngày 10/9/2019, nơi cấp Công an tỉnh Quảng Nam. Đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo T nên cần trao trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về án phí: bị cáo Nguyễn Phước T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Trà My tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Phước T 04 (Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 15/10/2020).

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, cụ thể: bị cáo Nguyễn Phước T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Văn Ngh số tiền 1.430.000 đồng (*Một triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng*); bồi thường cho ông Hồ Văn H số tiền 2.825.000 đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) và có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Mỹ H số tiền 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Trả cho bà Mai Thị Phượng: 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2029 màu xanh dương, số IMEI 1: 867695059422476, số IMEI 2: 867695059422468 (kèm theo ốp lưng điện thoại); 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2029 màu tím, số IMEI 1: 867695059729433, số IMEI 2: 867695059729425, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại VIVO, màu trong suốt.

Trả cho bị cáo Nguyễn Phước T 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phước T, cấp ngày 10/9/2019, nơi cấp Công an tỉnh Quảng Nam

(Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My theo biên bản giao nhận ngày 01/4/2021)

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/6/2021). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Chi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đậu Thị Luyện

Dur Văn Khôi

Phạm Thị Hồng Chi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Chi

Phạm Minh Tài

Hồ Văn Quảng

Phạm Thị Hồng Chi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Tài

Hồ Văn Quảng

phạm Thị Hồng Chi

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hà Dương Thị Thủy

Lê Thanh Hải

